

Tổng Hợp Cấu Trúc Câu Theo Chức Năng

Đây là file tổng hợp các cấu trúc câu và cụm từ nối quan trọng, được nhóm theo chức năng để bạn dễ dàng nhận diện và áp dụng vào việc đọc hiểu cũng như Writing/Speaking.

Phần 1: Danh Sách Các Cấu Trúc Theo Chức Năng

Nhóm 1: Chức năng Liệt kê & Bổ sung thông tin

- **Bổ sung một ý tương đương:** In addition, Furthermore, Moreover, Also, Not only... but also...
 - **Làm rõ, bổ nghĩa cho đối tượng:** Mệnh Đề Quan Hệ (who, which...)
 - **Đưa ra ví dụ:** For example, For instance, To illustrate, ...such as...
-

Nhóm 2: Chức năng Tương phản & Bác bỏ

- **Tương phản:** But, However, While, Although..., Despite..., In contrast, On the one hand...
 - **Bác bỏ quan điểm sai lầm:** You might think X, but Y is true.
-

Nhóm 3: Chức năng Nguyên nhân - Kết quả

- **Diễn tả Nguyên nhân:** Because, Since, As, Due to, Because of, This is because...
 - **Diễn tả Kết quả:** Therefore, So, As a result, Consequently, ...which leads to..., Mệnh đề V-ing chỉ kết quả.
-

Nhóm 4: Chức năng Đưa ra Lời khuyên / Mục đích

- **Đưa ra Lời khuyên / Giải pháp:** You should..., It is advisable to..., One solution is to..., Instead of doing A, do B, The best way to... is to..., It is better to..., Do not hesitate to..., remember to...
 - **Chỉ Mục đích:** to / in order to / so as to + V, so that + S + V, to set time for...
-

Nhóm 5: Chức năng Định nghĩa & Nhấn mạnh

- **Định nghĩa:** The X is Y, X refers to...
 - **Nhấn mạnh:** In fact, Indeed, Notably
-

Nhóm 6: Chức năng So sánh & Đối chiếu

- **So sánh hơn/kém:** X is less/more + Adj + than Y.
-

Nhóm 7: Chức năng Diễn tả Sự thay đổi / Tác động

- **to change + N**: thay đổi cái gì.
 - **to slow down + N**: làm chậm cái gì.
 - **to increase + N**: tăng cái gì.
 - **to reduce + N**: giảm cái gì.
 - **to limit + N**: giới hạn cái gì.
 - **to hamper + N**: cản trở cái gì.
 - **to boost + N**: thúc đẩy cái gì.
 - **to accelerate + N**: thúc đẩy, tăng tốc cái gì.
-

Nhóm 8: Chức năng Diễn tả Trạng thái / Kết quả

- **to keep + N + Adj**: giữ cho cái gì đó ở trạng thái nào.
 - **to appear to be + Adj**: có vẻ là.
 - **to be interlinked**: liên kết với nhau.
 - **to make it + adj + to V**: khiến cho việc gì đó trở nên như thế nào.
 - **to be useful to + V**: hữu ích để làm gì.
 - **to make + N + adj**: làm cho cái gì trở nên...
-

Nhóm 9: Chức năng Diễn tả Hành động nhận thức / Học hỏi

- **to learn about + N**: tìm hiểu về.
 - **to find out about + N**: tìm hiểu về.
 - **to understand + N**: hiểu cái gì.
 - **to know + N**: biết cái gì.
 - **to do research on + N**: nghiên cứu về cái gì.
 - **to overlook + N**: xem nhẹ, bỏ qua cái gì.
 - **to figure out + N**: hiểu ra cái gì.
 - **to get used to + N**: quen với cái gì.
-

Nhóm 10: Chức năng Diễn tả Sự cho phép / Bắt buộc

- **to let + N + V**: cho phép ai làm gì.
 - **to have to + V**: phải làm gì.
 - **to give an opportunity to + V**: cho cơ hội làm gì.
 - **to be given room to + V**: được cho không gian/cơ hội để làm gì.
-

Nhóm 11: Cấu trúc So sánh tăng tiến

- **The more... the more...**: càng... càng...
 - Ví dụ: "**The more** we read, **therefore, the more** we **exercise our memories**."
-

Phần 2: Phân Cấp Ưu Tiên Đọc Hiểu

Nguyên tắc chung: Cấu trúc nào giúp **thay đổi hướng** hoặc **đúc kết vấn đề** thì quan trọng hơn cấu trúc chỉ **thêm thắt thông tin**.

- **Ưu tiên 1: ĐỌC KỸ**

- **Nhóm 2 (Tương phản & Bác bỏ):** Vì chúng báo hiệu "cú bẻ lái", nơi chứa quan điểm thật sự.
- **Nhóm 3 (Nguyên nhân - Kết quả):** Vì chúng là xương sống của lập luận, đặc biệt là các từ chỉ kết quả (**Therefore, So...**).

- **Ưu tiên 2: ĐỌC CHÚ Ý**

- **Nhóm 4 (Lời khuyên / Giải pháp):** Vì đây thường là mục đích, phần đúc kết giá trị của bài viết.
- **Nhóm 5 (Định nghĩa):** Vì nếu tác giả đã phải định nghĩa, thì đó là khái niệm trung tâm.
- **Nhóm 7 (Diễn tả Sự thay đổi / Tác động):** Các động từ này thường là trọng tâm của hành động.
- **Nhóm 8 (Diễn tả Trạng thái / Kết quả):** Các cấu trúc này mô tả kết quả hoặc trạng thái quan trọng.

- **Ưu tiên 3: ĐỌC LƯỚI**

- **Nhóm 1 (Liệt kê & Bổ sung):** Vì chúng thường chỉ minh họa hoặc thêm thắt cho một ý chính đã được nêu ra trước đó.
- **Nhóm 6 (So sánh & Đối chiếu):** Thường dùng để làm rõ hơn một ý, không phải ý chính.
- **Nhóm 9 (Diễn tả Hành động nhận thức / Học hỏi):** Các động từ này thường là chi tiết của quá trình, không phải luận điểm chính.
- **Nhóm 10 (Diễn tả Sự cho phép / Bắt buộc):** Thường là các chi tiết phụ trong câu.
- **Nhóm 11 (Cấu trúc So sánh tăng tiến):** Mặc dù quan trọng, nhưng thường là cách diễn đạt một ý đã được nêu, không phải ý chính mới.